TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-Bản án số: **102**/2017/HNGĐ-ST
-Ngày: 24/7/2017.
- *V/v: Tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TIỀN GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  + Ông: **Phạm Thế Tụng**
  + Ông: **Nguyễn Trung Trực**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: ông **Nguyễn Hòa Hợp** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa*: bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2017, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐST- HNGĐ ngày 07/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Lê Minh T, sinh năm 1979 (**có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B. P, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

2. **Bị đơn: Huỳnh Thị C, sinh năm 1986 (**vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B. P, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Minh T trình bày: anh và chị Ch tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B.P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 ngày 17/11/2005. Sau khi cưới anh và chị Ch sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 2/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị Ch có quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác,

anh T đã nhiều lần tha thứ và khuyên chị Ch quay về nhưng không được nên vợ chồng anh đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gay gắt nên anh yêu cầu ly hôn với chị Ch.

Về con chung: anh và chị Ch có 02 con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh ngày 15/3/2003 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 28/5/2014, hiện các con đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng, anh yêu cầu chị Ch cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng cho mỗi con chung, bắt đầu cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: anh T và chị Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn chị Huỳnh Thị Ch đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị Ch tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B. P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01 ngày 17/11/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Ch được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh T xin ly hôn với chị Ch, anh yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con"*, do đương sự thường trú tại ấp B, xã B. P, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy bị đơn Huỳnh Thị Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Ch vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Ch.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: anh T và chị Ch cưới nhau vào năm 2002, trên cơ sở sự tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B. P cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 69, quyển số 01 ngày 17/11/2005. Quá trình chung sống giữa anh T và chị Ch không hạnh phúc nguyên nhân do chị Ch có quan hệ tình cảm nam nữ với người đàn ông khác nên giữa anh chị thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay, hiện chị Ch đang chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Trong thời gian ly thân đến nay, anh T và chị Ch không hàn gắn được tình cảm vợ chồng cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị Ch đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, chị Ch được Tòa án triệu tập đến Tòa án trình bày ý kiến về việc anh T xin ly hôn, dự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không đến, chứng tỏ chị Ch không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Ch là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh ngày 15/3/2003 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 28/5/2014, hiện các con đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu này của anh T là có cơ sở chấp nhận vì các con đã sống ổn định với anh, ổn định về chỗ ở, nơi học tập, sinh hoạt, ngoài ra cháu Nh cũng có nguyện vọng sống với anh T nên chấp nhận giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh T yêu cầu chị Chung cấp dưỡng nuôi Lê Thị Hồng Nh và Lê Thị Bích H mỗi tháng 650.000 đồng cho mỗi con chung. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên"* nên chị Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là phù hợp với quy định tại điều luật trên. Anh T yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 650.000 đồng. Xét thấy, các con đang đi học và đang trong thời kỳ phát triển thể chất, tâm sinh lý nên mức cấp dưỡng này là phù hợp, đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hằng ngày, ăn uống, học tập và các chi phí khác của các con đồng thời cũng phù hợp với mức thu nhập lao động phổ thông của chị Ch nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của T, buộc chị Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Lê Thị Hồng Nh và Lê Thị Bích H với số tiền 650.000 đồng/tháng cho mỗi con chung là phù hợp Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: do chị Ch vắng mặt, anh T trình bày anh, chị không có nợ chung và tài sản chung thì anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: do anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chị Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu khởi nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh T.**

- Về tình cảm: Anh Lê Minh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Ch.

- Về con chung: Anh Lê Minh T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh ngày 15/3/2003 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 28/5/2014;

+ Chị Huỳnh Thị Ch được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

+ Chị Huỳnh Thị Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Hồng Nh, sinh ngày 15/3/2003 và Lê Thị Bích H, sinh ngày 28/5/2014 với số tiền 650.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)/tháng cho mỗi con chung, bắt đầu cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu chị Ch chậm thực hiện thì phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* **Về án phí**:

+ Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 34897 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy anh T đã nộp xong án phí.

+ Chị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị Ch, tính từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tài

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã B..P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;